TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **167**/2026/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Anh T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp L, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ hiện nay: Số 036.1059/29/2 Tổ 02, Khu phố L1, Phường N, Thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2001; Địa chỉ liên lạc: Số 303C Đồng Văn C, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 4 năm 2024)

- *Bị đơn:* Ông Trương Ái Q, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nay là phường N, Thành phố Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Bùi Tấn P1, sinh năm 1968;
2/ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1967;
Cùng cư trú: Ấp T2, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà Dương Thị Bích T3, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp T2, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thủy: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 295 Tổ 12 ấp H, xã P2, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên hệ: Số 478C7, Khu phố 3, đường C, phường P3, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 01 năm 2026)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng ông Trương Ái Q và Bên nhận chuyển nhượng bà Trương Thị Anh T đối với một phần thửa đất số 100, qua đo đạc thực tế là thửa đất số 100A, có diện tích 79,7 m^2 và thửa đất số 100B, có diện tích 3445,3 m^2, tổng diện tích là 3525 m^2, tờ bản đồ số 12 (trước đây thuộc một phần thửa đất số 2387 và thửa đất số 1546, cùng tờ bản đồ số 1), địa chỉ ấp Thạnh Đông, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là ấp Thạnh Đông, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật. *(Có bản vẽ kèm theo).*

Bà Trương Thị Anh T có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng, trả tiếp cho ông Trương Ái Q số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Ông Trương Ái Q có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng, hoàn thành thủ tục chuyển nhượng để bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Trương Thị Anh T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 100A và 100B nêu trên theo quy định pháp luật.

2.2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng ông Trương Ái Q và Bên nhận chuyển nhượng ông Bùi Tấn P1, bà Bùi Thị T1 đối với một phần thửa đất số 2387, tờ bản đồ số 1, qua đo đạc thực tế hiện nay là thửa đất số 99A, có diện tích 494,3 m^2 và thửa đất số 99B, có diện tích 1,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 100C, có diện tích 52,7 m^2, thuộc một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp T2, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T2, xã H, tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật. *(Có bản vẽ kèm theo)*

2.3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bên chuyển nhượng ông Bùi Tấn P1, bà Bùi Thị T1 và Bên nhận chuyển nhượng bà Dương Thị Bích T3 đối với một phần thửa đất số 2387, tờ bản đồ số 1, qua đo đạc thực tế hiện nay là thửa đất số 99A, có diện tích 494,3 m^2 và thửa đất số 99B, có diện tích 1,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 100C, có diện tích 52,7 m^2, thuộc một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp T2, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T2, xã H, tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực pháp luật. Trong đó, thửa đất số 99A và 99B, thuộc một phần

thửa đất số 99 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị Bích T3, do bà T3 đang quản lý sử dụng. *(Có bản vẽ kèm theo)*

Bà Dương Thị Bích T3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 100C nêu trên theo quy định pháp luật.

2.4. Ông Trương Ái Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Dương Thị Bích T3 số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2.5. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.6. Về án phí:

Bà Trương Thị Anh T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005299 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00013414 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền là 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Ông Trương Ái Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Bùi Tấn P1 và bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002202 ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông P1 và bà T1 đã nộp đủ án phí.

2.7. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí tố tụng khác trong vụ án gồm có chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, thu thập trích lục bản đồ và hồ sơ quy trình cấp đất tổng cộng là 11.740.000 (mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng do bà Trương Thị Anh T tự nguyện chịu, đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (5b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Kim Ngân